TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 16/07/2026
"V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Trí Lý.

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đăng Khoa và ông Nguyễn Trọng Khánh.

Thư ký phiên toà: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:

Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 109/2026/TLST - HNGĐ, ngày 01/04/2026; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/07/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn D, xã A, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 3, xã M, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Triệu Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông H về sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E (nay là xã M), trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cải nhau, bất đồng quan điểm, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, hôn nhân không còn trên thực tế, nên nguyện vọng xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Bùi Minh H, sinh ngày 18/11/2018. Tôi có nguyện vong giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai ngày 16/06/2026, bị đơn ông Bùi Văn H trình bày:* Tôi với bà N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E ngày 19/09/2018, sau khi về sống chung với nhau đã có mâu thuẫn, nên năm 2021 bà N bỏ đi không chăm sóc con cái. Nay tôi với bà N không còn tình cảm, bà N làm đơn ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung cháu tên Bùi Minh H, nguyện vọng của tôi là được nuôi con đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng tôi không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để các đương sự đến tòa tham gia tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bà N, ông H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 203, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân đúng. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Triệu Thị N được ly hôn với ông Bùi Văn H.

Về con chung: Giao cháu Bùi Minh H, sinh ngày 18/11/2018 cho ông Bùi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị N với ông Bùi Văn H tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa hợp, nên từ năm 2021 cho đến nay không còn sống chung với nhau. Do, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn trên thực tế, nên cả hai đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Xét, nguyện vọng xin được ly hôn của cả hai là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần thiết ghi nhận sự tự nnguyện thỏa thuận ly hôn giữa các bên.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, cả hai có 01 con chung: Cháu Bùi Minh H, sinh ngày 18/11/2018. Xét từ thời điểm sống ly thân (năm 2021) con chung được ông H trực tiếp chăm sóc, nay vợ chồng ly hôn ông H có nguyện vong xin được nuôi con chung, được bà N đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho ông Bùi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

[3]Về án phí: Bà Triệu Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn, bà Triệu Thị N với ông Bùi Văn H thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh H, sinh ngày 18/11/2018 cho ông Bùi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Bà Triệu Thị N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Triệu Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trí Lý

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7- Đắk Lắk;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.